

## ĐỊNH HƯỚNG TIẾP CẬN NỀN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM

Trần Đức Hiệp<sup>(\*)</sup>

Trong nhiều thế kỷ qua, loài người luôn bị ám ảnh bởi nguy cơ nghèo đói. Tìm kiếm nguồn của cải và phương thức làm tăng nguồn của cải dần trở thành mục tiêu trọng yếu của các quốc gia. Trong những năm gần đây, khi quá trình phát triển được nhìn nhận lại theo tư duy con người là mục tiêu đích thực của sự phát triển thì người ta vẫn phải thừa nhận: phát triển kinh tế là tiền đề quan trọng để cải thiện chất lượng cuộc sống. Vì vậy, việc tìm kiếm các phương thức, các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế vẫn là một quá trình liên tục, bền bỉ và luôn được ưu tiên hàng đầu. Trong thời kỳ tương ứng với nền kinh tế nông nghiệp và xã hội nông dân cổ truyền, tài nguyên thiên nhiên (đặc biệt là đất đai) được coi là lợi thế phát triển chủ yếu. Khi nền kinh tế thị trường hình thành tương ứng với xã hội công nghiệp, sự phát triển của nền kinh tế dường như lại phụ thuộc sâu sắc vào công cụ kỹ thuật (tư bản hay lao động vật hoá). Ngày nay, sau khoảng 5 thế kỷ kể từ lúc khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp, nền kinh tế thế giới đang có những biến đổi về chất, nhanh chóng quá độ chuyển sang một thời đại kinh tế mới - nền kinh tế dựa vào tri thức hay nền kinh tế tri thức. Ở đây, tri thức trở thành yếu tố quyết định sự phát triển. Xu thế khá rõ ràng và mang tính chất toàn cầu này khiến người ta phải nhận diện lại phương thức tăng trưởng và phát triển kinh tế đang được áp dụng phổ biến.

Đối với các nước đang ở trình độ phát triển rất thấp như Việt Nam, việc đón bắt xu thế phát triển mới có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc lựa chọn chiến lược phát triển, bởi vì, sự tác động nhiều mặt và ngày càng rõ nét của xu thế mới đang làm gia tăng mạnh mẽ thách thức phát triển và hội nhập của các nước này. Do vậy, cần phải có sự điều chỉnh chiến lược phát triển theo cách thức tiếp cận nền kinh tế tri thức. Ở Việt Nam, vấn đề này đến nay, với thực tiễn phát triển của nó, đã thu hút được sự quan tâm của các nhà hoạch định nhưng vẫn còn thiếu một đường nét rõ ràng và nhất quán trong việc định hướng tiếp cận nền kinh tế tri thức. Xuất phát từ đó, những quan điểm định hướng được thể hiện dưới đây có thể là một sự bổ sung ít nhiều mang tính chất tham khảo.

### 1. Những nội dung cơ bản của nền kinh tế tri thức

Khi nhận diện giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế thế giới, các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều khái niệm khác nhau xuất phát từ nhiều cách tiếp cận khác nhau như nền kinh tế thông tin, nền kinh tế kỹ thuật số, nền kinh tế học hỏi. Bỏ qua những tranh luận mang tính chất học thuật, khái niệm kinh tế tri thức (Knowledge Economy) mà Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD) đã chính thức đưa ra từ năm 1995 sẽ được sử dụng ở đây để chỉ giai đoạn phát triển mới này. Đến nay, kinh tế tri thức không còn là một

<sup>(\*)</sup> Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

thuật ngữ mới. Về nội dung, nền kinh tế tri thức được hiểu là ***nền kinh tế trong đó quá trình sáng tạo và khai thác tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với việc tạo ra của cải xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống con người.***

Theo nội dung này, chức năng sản sinh tri thức của tri thức nổi lên như chức năng quan trọng nhất. Tri thức mới, về nguyên tắc, sẽ không ngừng được tạo ra trên nền tảng của những tri thức đã tích lũy được, do vậy, tri thức được xem là nguồn tài nguyên vô hạn. Tuy nhiên, việc khai thác nguồn tài nguyên này thường rất khó, chi phí rất cao làm chúng trở thành những mặt hàng khan hiếm. Khai thác tri thức là một quá trình bao gồm cả việc thu nhận, truyền bá và sử dụng (hay tiêu dùng) tri thức. Trong nền kinh tế mới, tri thức không còn đơn thuần là những sản phẩm tinh thần. Bản thân tri thức là những đối tượng được đem ra trao đổi trực tiếp. (Một tính toán của OECD cho thấy, ngay từ năm 1996, hơn 20% giao dịch trong ngành công nghệ thông tin là những giao dịch về ý tưởng, về bản quyền phát minh, sáng chế). Tuy nhiên, có ý nghĩa hơn nhiều đằng sau những giao dịch này là việc tiêu dùng tri thức vào quá trình sản xuất hàng hoá và dịch vụ. Tri thức trong trường hợp này tồn tại như một nguồn lực vật chất can dự trực tiếp vào quá trình tạo ra của cải xã hội. Thực tiễn cho thấy, khoảng cách thời gian để áp dụng các phát minh khoa học đang ngày càng được rút ngắn xuống nhỏ nhất. Giá trị các hàng hoá và dịch vụ khi này được cấu thành và phụ thuộc chủ yếu vào một yếu tố đầu vào hết sức cần thiết là tri thức. Xét trên bình diện chung, các ngành kinh tế dựa vào những thành tựu tiến bộ của khoa học công nghệ để phát triển sẽ chiếm một tỷ trọng lớn trong nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, ở nền kinh tế

này vẫn tồn tại những ngành truyền thống như công nghiệp, nông nghiệp. Song mức độ phát triển của những ngành này phụ thuộc vào khả năng được “cải tạo” bằng những tiến bộ của khoa học và công nghệ. Nói một cách khác, trong nền kinh tế tri thức, tất cả các ngành dù ở trình độ phát triển nào cũng đều hoạt động dưới sự xâm nhập và chi phối mạnh mẽ của tri thức. Trên thế giới hiện nay, các ngành công nghiệp dựa trên tri thức đã đóng góp gần 50% GDP của các nước thuộc OECD, 57% GDP của Singapore và 48% GDP của Australia. Những ngành công nghiệp hiện nay có tốc độ phát triển cao nhất và tiềm năng lớn nhất đều là những ngành thâm dụng tri thức. Năm 1998 - 1999, Mỹ đã xuất khẩu 206 tỷ USD các sản phẩm công nghệ cao, con số này ở Nhật Bản là 126 tỷ USD và ngay như Malaysia cũng đạt mức 44 tỷ USD [2,21]. Đây là những dấu hiệu bước đầu để định hình một nền kinh tế tri thức hiện thực, một xu thế tất yếu của nền kinh tế toàn cầu, hình thành trên cơ sở những bước phát triển mạnh mẽ theo một logic tuần tự của thời đại công nghiệp cơ khí.

## **2. Thách thức của Việt Nam khi tiếp cận nền kinh tế tri thức**

Hàng loạt những thành tựu đạt được trong hơn một thập kỷ đổi mới vừa qua đã đưa Việt Nam lên một xuất phát điểm mới có chất lượng cao hơn hẳn. Tăng trưởng kinh tế luôn được duy trì ở mức cao; thu nhập của người dân được cải thiện đáng kể; cơ chế thị trường đã dần chi phối, dẫn dắt các hoạt động kinh tế; quan hệ thương mại và đầu tư quốc tế được mở rộng đang dần tạo thế chủ động để Việt Nam hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, đến nay nền kinh tế Việt Nam vẫn mang đậm nét đặc trưng của một nền kinh tế tiếp tục phải chuyển đổi. Việt Nam vẫn chưa thoát khỏi tình

trạng nghèo đói và kém phát triển. Tình trạng này là một thách thức rất lớn của Việt Nam khi phải đối diện với một thế giới đang biến chuyển với tốc độ nhanh chóng và từ những xuất phát điểm cao hơn.

Mặc dù công tác xoá đói giảm nghèo được chú trọng trong suốt thời gian qua, nhưng Việt Nam vẫn là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới. Mức thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2000 đạt khoảng 400 USD trong đó hơn 75% dân số sống ở các vùng nông thôn có thu nhập đầu người dưới 200 USD/năm. Tính theo sức mua tương đương (PPP), mức thu nhập bình quân đầu người năm 1998 của Việt Nam chỉ bằng 1/12 mức bình quân thế giới [1,57]. Năm 2001, theo đánh giá của UNDP, mức thu nhập bình quân này đạt 1.860 USD, nhưng cũng chỉ bằng 1/2 thu nhập bình quân đầu người của Trung Quốc (3.610 USD/người), chưa bằng 1/4 so với Malaysia (8.200 USD/người) và bằng khoảng 1/11 so với Singapore (20.760 USD/người). Nhờ vào sự nhất quán trong việc theo đuổi mục tiêu phát triển mang tính chất nhân văn, các chỉ số phát triển của Việt Nam về mặt xã hội đã vượt qua các chỉ số về kinh tế và đặt Việt Nam ở những thứ bậc phát triển cao hơn. (Năm 2001, trong số 162 nước, Việt Nam xếp thứ 101 về HDI, 74 về giáo dục, 93 về sức khoẻ và 114 về thu nhập bình quân đầu người). Nhưng nhìn chung, tình trạng đói nghèo vẫn là một thách thức lớn đang và tiếp tục ràng buộc mọi tiến trình phát triển của Việt Nam.

Cùng với sự nghèo đói, Việt Nam là một nước lạc hậu về trình độ phát triển. Điều này được thể hiện tập trung ở một số khía cạnh sau đây:

*Thứ nhất*, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam diễn ra quá chậm. Năm 1986, ngành nông nghiệp Việt Nam

chiếm tỷ trọng 41% GDP và đến năm 2001 tức là sau khoảng 15 năm mới được giảm xuống còn 23% GDP. Trong khi đó, Hàn Quốc vào đầu thập kỷ 60, tỷ trọng nông nghiệp chiếm khoảng 40% GDP thì đến giữa thập kỷ 80 giảm xuống còn khoảng trên 10% GDP và đến năm 1998 chỉ còn khoảng 4% GDP [3,3]. Tỷ trọng giá trị sản phẩm nông nghiệp trong GDP còn khá cao và tốc độ giảm chậm cho thấy một cách khái quát những hạn chế về năng lực phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian qua.

*Thứ hai*, nguồn nhân lực ở Việt Nam dồi dào và có trình độ văn hoá, tuy nhiên chủ yếu lại là lao động thiếu kỹ năng. Theo số liệu của Tổng cục dạy nghề, chỉ có 17,7% trong tổng số gần 40 triệu lao động của Việt Nam được coi là có kỹ năng chuyên môn, đặc biệt hơn 91% lao động ở nông thôn không có tay nghề. Hiện tại, trong số 2,5 triệu công nhân chỉ có 1,8 triệu người là được đào tạo nghề (chiếm 72% tổng số) [1,84].

*Thứ ba*, tiềm lực khoa học công nghệ của Việt Nam còn rất nhiều hạn chế. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tuy đông nhưng yếu về trình độ. Khả năng tiếp cận tri thức và phương tiện nghiên cứu mới rất thấp trong khi đó lại chưa có lực lượng cán bộ nghiên cứu kế cận. Môi trường cạnh tranh yếu kém dẫn đến việc các doanh nghiệp ít cần dựa vào khoa học công nghệ, vì vậy, kinh phí đầu tư cho nghiên cứu và triển khai phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách Nhà nước. Trong điều kiện tiềm lực tài chính của Việt Nam còn hạn hẹp thì đây là một gánh nặng ngân sách dẫn đến việc đầu tư dàn trải và hiệu quả thấp. (Mức đầu tư cho nghiên cứu khoa học của Việt Nam trong thời gian qua chỉ khoảng 1% GDP, đầu tư cho giáo dục dưới 3% GDP. Xét về số tuyệt đối, mức đầu tư này ở Việt Nam thực tế là rất nhỏ. Trong khi đó,

năm 1995, đầu tư cho nghiên cứu khoa học và giáo dục của Canada là 8,8% GDP, Mỹ là 8,4% GDP, Nhật Bản là 6,6% GDP và Úc là 6,8% GDP. Tính từ giữa thập niên 80 đến nay, mức tăng bình quân đầu tư vào lĩnh vực này của các nước trên đạt 2,8%/năm) [2,139]. Cơ hội tiếp cận thông tin cũng là một vấn đề còn nhiều bất cập của Việt Nam. Ví dụ về việc sử dụng mạng thông tin toàn cầu Internet: được coi là nước có tốc độ tăng trưởng cao về dịch vụ Internet, Việt Nam năm 1999 có khoảng 45.000 thuê bao. Đến năm 2002, theo ước tính Việt Nam có khoảng 529.000 thuê bao [1,51]. Tuy vậy, tính trên số hộ gia đình thì đây vẫn là một tỷ lệ rất nhỏ nếu so với 8% số hộ gia đình sử dụng mạng Internet ở Anh, 6% ở Đức và 18% ở Mỹ [2,67]. Thu nhập thấp cùng với những hạn chế về trình độ ngoại ngữ cũng là vật cản chủ yếu đối với việc gia nhập xã hội thông tin toàn cầu của Việt Nam.

*Thứ tư*, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam rất thấp. Theo đánh giá của Economic Intelligent Unit (EIU), thứ hạng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam năm 2000 được xếp ở hạng 52 sau rất nhiều so với các nước ngay trong khu vực như Thái Lan (xếp hạng 27), Malaysia (xếp hạng 32), Philippin (xếp hạng 35) [1,80]. Sự kém hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của hệ thống các doanh nghiệp Nhà nước (vốn quen được bao cấp) cùng với một môi trường kinh doanh chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển là những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng kém sức cạnh tranh của Việt Nam trong thời gian qua.

Như vậy, nhìn tổng thể, nền kinh tế Việt Nam đang ở vào một trạng thái nghèo nàn và thấp kém về trình độ phát triển. Trạng thái này hạn chế khả năng tiếp cận

các điều kiện, các cơ hội phát triển mới và làm cản trở quá trình tranh đua tốc độ để thoát khỏi sự nghèo đói, nhanh chóng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trong khi thế giới đang ở bước chuyển sang thời đại kinh tế tri thức thì Việt Nam còn đang phải nỗ lực thực hiện chiến lược công nghiệp hoá, tập trung vào việc khai thác mọi lợi thế để phát triển mà chủ yếu vẫn là những lợi thế do thời đại công nghiệp mang lại như tận dụng giá thuê đất đai và lao động rẻ; tìm kiếm nguồn vốn đầu tư nước ngoài, khai thác nhu cầu thị trường địa phương... Khoảng cách phát triển khá xa so với trình độ phát triển chung của thế giới khiến cho quá trình bám đuổi của Việt Nam càng trở lên khó thực hiện.

### **3. Định hướng tiếp cận nền kinh tế tri thức ở Việt Nam**

Kinh tế tri thức là xu thế phát triển chủ đạo của nền kinh tế thế giới hiện nay. Vươn tới nền kinh tế tri thức trong trường hợp của Việt Nam là một tiến trình phát triển tất yếu. Những thách thức của Việt Nam trong tiến trình này khiến Việt Nam có thể phải chịu những rủi ro tham gia cao hơn, nhưng “mất mát” do không tham gia tiến trình, theo nhận định của nhiều chuyên gia, còn lớn hơn và chắc chắn hơn rất nhiều. Để hoà nhập vào quỹ đạo phát triển chung của thế giới, về nguyên tắc, Việt Nam phải vượt qua được tình trạng chậm phát triển và chuyển nhanh sang nền kinh tế tri thức. Sự kết hợp này tạo thành phương thức phát triển đặc thù của Việt Nam hiện nay theo nghĩa Việt Nam vừa phải tuân tự chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp, vừa phải nhảy vọt vượt qua những thách thức phát triển, tạo lập tiền đề xây dựng nền kinh tế tri thức. Với tốc độ biến đổi đang diễn ra nhanh chóng của nền kinh tế

thế giới, ngay từ trạng thái hiện tại, Việt Nam cần sớm tạo dựng những cơ sở phát triển mới. Vấn đề này đòi hỏi phải có một hệ thống các điều kiện đảm bảo kèm theo. Việc sử dụng các nguồn lực vật chất thường được đề cập đến trong hệ thống này. Tuy nhiên, nguồn lực có tác dụng lớn lao cần được khai thác triệt để chính là “nguồn lực cơ chế”. Một cơ chế hợp lý sẽ tạo ra môi trường có thể huy động tối đa mọi nguồn lực vật chất đưa nền kinh tế tiến những bước dài trên con đường tiến tới nền kinh tế tri thức. Ngược lại, một cơ chế thiếu tính hợp lý có thể là sức cản to lớn ngăn chặn nguồn lực vật chất khỏi sự phát triển tự nhiên của nó.

Cơ chế thị trường cho đến nay vẫn là cơ chế phân bổ nguồn lực tối ưu nhất. Dựa trên những thông tin thu thập được, các lực lượng tham gia thị trường sẽ tự do lựa chọn hành vi tối đa hoá lợi ích của mình. Vì vậy, cơ chế thị trường cũng có thể đảm bảo là động lực chính quyết định việc sản sinh cũng như khai thác tri thức một cách hiệu quả nhất. Nói một cách khác, có thể coi kinh tế tri thức sẽ hình thành chủ yếu dựa vào cơ chế thị trường. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hoá về kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ, không gian thị trường sẽ được mở rộng ở phạm vi thế giới (*mọi quốc gia muốn phát triển đều phải “mở cửa” hội nhập nền kinh tế khu vực và quốc tế*). Do vậy, cơ chế này cần được hoạt động dựa trên những thông tin mang tính chất toàn cầu.

Trong trường hợp của Việt Nam, nhận định nêu trên hàm ý: i) Việt Nam cần tiếp tục đẩy nhanh quá trình cải cách thị trường, dùng cơ chế thị trường huy động các nguồn lực vật chất vào việc tạo dựng tiền đề cần thiết để có một số bước nhảy hướng tới nền kinh tế tri thức trong tương lai. ii) Việc phân bổ các nguồn lực cần đặt

trong điều kiện của sự phân công lao động quốc tế, mà nội dung cốt yếu là phải nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nhằm đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. iii) Cuối cùng, sự nhất quán và quyết tâm theo đuổi cơ chế, phương thức tiếp cận nền kinh tế tri thức cũng tác động đến khả năng thành công của Việt Nam trong tiến trình phát triển. Đây là những lăng kính quan trọng để xem xét những vấn đề vẫn được coi là cốt yếu trong tiến trình tiến tới nền kinh tế tri thức ở Việt Nam. Dựa trên lăng kính này, một số vấn đề quan trọng hàng đầu cần được định hướng phát triển như sau:

*Thứ nhất*, vấn đề phát triển nguồn nhân lực. Nhiều nhà phân tích đã cho thấy vai trò của việc phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao đối với quá trình hình thành nền kinh tế tri thức đặc biệt trong điều kiện của Việt Nam - nơi mà lực lượng lao động rất thiếu sức sáng tạo và kỹ năng thực hành. Gắn chặt với thực tế cần giải quyết ở đây chính là yêu cầu nhanh chóng cải cách hệ thống giáo dục và đào tạo. Rõ ràng không thể bắt một hệ thống giáo dục - đào tạo cũ (được thiết kế để đáp ứng nhu cầu lao động của nhiều thập kỷ trước, đi kèm là những điều chỉnh chấp vá và méo mó) đối diện với sứ mệnh đưa nền kinh tế chuyển sang giai đoạn phát triển mới (vốn có những nguyên lý vận hành mới). Quá trình cải cách hệ thống này cần thực hiện theo những nguyên tắc: i) Giáo dục - đào tạo phải dựa trên cơ sở của thị trường, xuất phát từ chính nhu cầu của thị trường lao động để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế. ii) Vì vậy, phải coi giáo dục - đào tạo là hoạt động đầu tư (đầu tư trọng điểm chứ không chỉ là hoạt động mang tính chất phúc lợi xã hội đơn thuần), đưa hoạt động giáo dục - đào tạo vận hành theo đúng cơ

chế thị trường (thị trường hoá giáo dục - đào tạo). Đồng thời, để hỗ trợ hữu hiệu nhất cho giáo dục - đào tạo, thị trường lao động theo đó phải được hoàn thiện để ít nhất quá trình tìm kiếm việc làm hay tuyển chọn lao động được đặt trong nguyên tắc cạnh tranh của thị trường. iii) Trong bối cảnh toàn cầu hoá về kinh tế, giáo dục - đào tạo phải tính đến nhu cầu và định hướng phát triển của thị trường lao động thế giới. Mở cửa thông tin, khuyến khích học hỏi suốt đời, nâng cao năng lực lựa chọn của mỗi cá nhân là những vấn đề cần được quan tâm ngay từ bây giờ.

*Thứ hai*, vấn đề phát triển tiềm lực khoa học công nghệ. Tương đồng với nguồn nhân lực chất lượng cao, tiềm lực khoa học công nghệ giữ một vai trò trọng yếu trong thời đại tri thức là lực lượng sản xuất quyết định. Giống như một hàng hoá công cộng, chi phí sản xuất lớn với độ rủi ro mạo hiểm cao, tri thức thường được Nhà nước đứng ra đầu tư nghiên cứu và triển khai. Tuy nhiên, đây lại là thách thức đối với tiềm lực tài chính của Việt Nam (như đã trình bày). Vì vậy, hai vấn đề đặt ra ở đây là: (1) Việt Nam nên thiên về sáng tạo hay bắt chước công nghệ là chính và (2) ai là người phải thực hiện việc này giữa Nhà nước và doanh nghiệp (?). Về vấn đề thứ nhất, rõ ràng bản thân Việt Nam không có nguồn lực hay không thể trải đều nguồn lực ít ỏi cho việc sáng tạo và khai thác tri thức. Do vậy, việc tạo lập những cơ sở hình thành nền kinh tế tri thức sẽ phụ thuộc chủ yếu vào khả năng đi tắt, đón đầu. Trong giai đoạn trước mắt, việc tiếp nhận và áp dụng tri thức (bắt chước) là những khâu quyết định khả năng bắt kịp hay tụt hậu của Việt Nam. Mô hình phát triển Đông Á trong mấy thập niên gần đây vẫn thường được đưa ra như là những kinh

nghiệm có giá trị. (Các nước Đông Á đã phát triển thần kỳ với chiến lược đi thẳng vào tiếp nhận và sử dụng lợi thế sẵn có về công nghệ trên thế giới - chiến lược nghiêng về bắt chước hơn là sáng tạo công nghệ). Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa là Việt Nam không thể sáng tạo. Với định hướng được chọn lọc kỹ lưỡng, Việt Nam có thể ưu tiên đầu tư theo trọng điểm. Về vấn đề thứ hai, việc tăng cường đầu tư áp dụng khoa học công nghệ là một yêu cầu thiết yếu đối với các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân. Ở đây tồn tại một sự bất cập về cơ chế khuyến khích. Chừng nào môi trường kinh doanh chưa buộc các doanh nghiệp phải dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ để giành thắng lợi trong cạnh tranh thì lúc đó việc vận dụng tri thức chưa thực sự được quan tâm phát triển.

*Thứ ba*, vấn đề nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Cải thiện từng bước năng lực cạnh tranh của nền kinh tế là điều kiện bao trùm để Việt Nam có thể vượt qua thách thức nghèo đói, thu hẹp khoảng cách phát triển, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trong chặng đường tiến tới nền kinh tế tri thức. Ở đây xuất hiện hàng loạt các vấn đề cần giải quyết, nhưng ưu tiên hàng đầu là phải nhanh chóng hoàn thiện cấu trúc của thị trường trong nước. Những ưu đãi của Nhà nước đối với khu vực doanh nghiệp Nhà nước (đang tiến hành quá trình đổi mới chậm chạp, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp kém) đã dẫn đến những méo mó về cấu trúc thị trường. Trong khi đó, các doanh nghiệp tư nhân (mới phát triển mạnh mẽ từ năm 2000 khi Luật doanh nghiệp ra đời) lại thiếu một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng. Về cơ bản, phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam thiếu sự năng động, linh hoạt trong điều kiện cạnh tranh quốc tế.

Khả năng tiếp cận thông tin của các doanh nghiệp này rất hạn chế dẫn đến nguy cơ bị suy giảm năng lực cạnh tranh khi mà tri thức hay thông tin (đã được xử lý) ngày càng trở thành lợi thế cạnh tranh mới. Hình thành trên cơ sở thị trường, một đội ngũ các nhà kỹ trị giỏi, có khả năng hạn chế thông tin bất cân xứng sẽ hỗ trợ đưa hệ thống các doanh nghiệp từng bước hướng ngoại - xâm nhập thị trường khu vực và thế giới.

Thứ tư, vấn đề tư duy phát triển. Sự thành công của Việt Nam trong tiến trình tiến tới nền kinh tế tri thức phụ thuộc vào năng lực đổi mới từ phía Nhà nước và doanh nghiệp. Ở đây, vai trò của các nhà lãnh đạo là rất quan trọng trong việc loại bỏ các rào cản đi ngược lại xu thế phát triển do các nhóm lợi ích cũ (quá mạnh) tạo ra, đồng thời có thể phát huy năng lực gia nhập sân chơi mới của các doanh nghiệp dựa trên không phải các quy định hành chính mà chủ yếu bằng các thiết chế thị trường.

### 3. Kết luận

- Kinh tế tri thức dường như là một xu thế phát triển tất yếu mà mọi quốc gia phải quan tâm trong quá trình hoạch định chính sách phát triển. Những thách thức xuất phát từ thực trạng phát triển của nền kinh tế khiến việc lựa chọn phương thức tiếp cận nền kinh tế tri thức của Việt Nam mang tính đặc thù: Việt Nam vừa phải thoát khỏi sự nghèo nàn và thấp kém về trình độ, vừa phải nhảy vọt sang nền kinh tế tri thức.

- Những giải pháp để thực hiện phương thức phát triển đặc thù này cần được tiếp cận có tính tổng thể và khả thi hơn. Nhưng để tránh những sai lầm rất dễ mắc phải khi lựa chọn và triển khai các giải pháp, phải hiểu sâu sắc rằng kinh tế tri thức cần được thiết lập từ kinh tế thị trường. Vì vậy, cơ chế thị trường sẽ phải xâm nhập và định hướng phát triển hàng loạt các vấn đề, đặc biệt là với lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Báo cáo phát triển con người Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
2. *Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*, Ban khoa giáo Trung ương, Bộ Khoa học CN&MT, Bộ ngoại giao, Hà Nội, 2000.
3. Tương Lai, Đối diện với nền kinh tế tri thức, *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, số 122.
4. Lưu Ngọc Trinh, Bước chuyển sang nền kinh tế tri thức ở một số nước hiện nay, *Những vấn đề kinh tế thế giới*, Số 78.
5. Võ Trí Thành, Cạnh tranh và chính sách cạnh tranh: Bản chất, nội dung và trường hợp của Việt Nam, *Nghiên cứu kinh tế*, Số 263.

**VIETNAM ORIENTATION TO KNOWLEDGE – BASED ECONOMY****Tran Duc Hiep***Faculty of Economics, Vietnam National University, Hanoi*

Knowledge - based economy seems to be indispensable trend for development that every country should concern during the process of making development policies. Challenges emitted from real situation of Vietnam economy made the approaching to knowledge - based economy particular as: Vietnam must do both a poverty alleviation and a knowledge - based economy jump.

Solutions on this particular development method should be more overall and feasibly approached. But in order to avoid mistake as choosing and launching solutions, it is necessary to have a deep understanding that knowledge - based economy must be established upon market economy. Market mechanism, therefore, would penetrate and orient a lot of problems, especially in the fields of education and training, science and technology, and moreover in competitiveness strengthening of Vietnam economy on the road of regional and global integration.